

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - PT

Ngày 25 - 01 - 2019

V/v kiện ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Đức Thủy.

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2018/TLPT - HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp kiện ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/HNGĐ - ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐ - PT ngày 02 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: xóm 9, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam.

3. Người kháng cáo: ChĐ Nguyễn Ôn ThĐ Lý là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt anh T, chị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Xuân T và Chị Nguyễn Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2013 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo anh T, nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm của hai bên khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xảy ra xô xát. Mặc dù được gia đình hai bên và chính quyền địa phương phân tích hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn chị L.

Theo chị L, ngoài nguyên nhân mâu thuẫn do cách sống, quan điểm của hai bên khác nhau như anh T trình bày thì còn do anh T có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xảy ra xô xát, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng anh T còn đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay không quan tâm chăm sóc nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Hiện nay anh và chị có công việc và cuộc sống yên ổn, độc lập không liên quan gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh T, chị L thống nhất có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 24/12/2013. Hiện nay cháu B đang được chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu ly hôn, anh T và chị L thống nhất giao cháu B cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000đ.

Về con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T, chị L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/HNGĐ - ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 147, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Anh Nguyễn Xuân T và Chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 24/12/2013 (con trai). Anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng Chị Nguyễn Thị L là 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

3. Về tài sản và công nợ chung: Anh T và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 15/11/2018 Chị Nguyễn Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ bản án số: 28/2018/HNGĐ - ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với Chị Nguyễn Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị L, Hội đồng xét xử thấy:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và Chị Nguyễn Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/5/2013 tại UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên đưa ra không hoàn toàn giống nhau nhưng việc vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay là có thật, được anh T, chị L thừa nhận. Thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như phúc thẩm, Tòa án đã phân tích, động viên vợ chồng anh T, chị L về đoàn tụ nhưng anh T vẫn cương quyết xin được ly hôn với chị L. Tòa án cấp sơ thẩm xét mâu thuẫn giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và chị L là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo xin được đoàn tụ của chị L không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

- Về con chung: Anh T, chị L thống nhất có 01 con chung là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 24/12/2013. Hiện nay cháu B đang được chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Nếu ly hôn, anh T và chị L thống nhất giao cháu B cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L là 2.000.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, chị L đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị thêm 2.000.000đ/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị L đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị thêm 1.000.000đ, tổng cộng 3.000.000đ/tháng kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi. HĐXX thấy, cấp sơ thẩm đã xem xét thu nhập thực tế của anh T, chị L để tuyên mức 2.000.000đ/tháng là phù hợp, chị L yêu cầu cấp dưỡng 3.000.000đ nhưng không đưa ra được căn cứ, trong khi anh T không nhất trí cấp dưỡng thêm nên đề nghị này của chị L không được HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ: Tại Tòa án cấp sơ thẩm chị L cũng như anh T không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị L xác định tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 ngôi nhà mái bằng khoảng 70m² do vợ chồng xây năm 2015 trị giá 380.000.000đ cùng các tài sản khác như ti vi, tủ lạnh, máy giặt... và một khoản tiền do chú ruột của anh T nợ vợ chồng anh chị, chị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nếu thuộc phạm vi xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm. HĐXX thấy, tại Tòa án cấp sơ thẩm chị L và anh T không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ; tại

Tòa án cấp phúc thẩm, chị L mới kê khai và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, trong khi anh T không nhất trí với yêu cầu xem xét giải quyết về chia tài sản chung, về công nợ theo yêu cầu của chị L, do yêu cầu của chị L vượt quá phạm vi xét xử của Tòa án cấp phúc thẩm được quy định tại Điều 293 BLTTDS nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Chị L có quyền khởi kiện chia tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2018/HNGĐ - ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý về việc “Tranh chấp kiện ly hôn”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 147, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa Anh Nguyễn Xuân T và Chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao Chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung duy nhất của vợ chồng là cháu Nguyễn Xuân B, sinh ngày 24/12/2013 (con trai). Anh Nguyễn Xuân T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cùng Chị Nguyễn Thị L là 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu B trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị L không có thai nghén gì.

3. Về tài sản và công nợ chung: Anh T và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Án phí ly hôn:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Anh T được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0001889 ngày 30/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ.

- Án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà anh Năng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0001929 ngày 19/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, chị L đã nộp đủ án phí.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường Lam Hạ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San